

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 4 – 2023

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thúy Kiều

Ông Bùi Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1961 (Có mặt)

- Bị đơn: ông Danh C, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ : ấp Vĩnh T, xã Vĩnh Q, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị H trình bày như sau:**

Vào năm 1983 tôi và ông Danh C tiến tới hôn nhân và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì vợ chồng tôi có 04 đứa con chung: Danh Thị Ngọc Q, sinh năm 1984; Danh Thanh H, sinh năm 1986; Danh Q, sinh năm 1988; Danh

Thị Ngọc H, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã trưởng thành dựng vợ gả chồng hết chỉ còn có Danh Q là đang sống chung với tôi.

Quá trình chung sống chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tuy cuộc sống vợ chồng sống chung với nhau rất lâu, nhưng giữa chúng tôi thường xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần ông C có rượu vào hay cự cãi với nhau thì tôi luôn bị chồng đánh đập, hành hạ không thương tiếc. Vấn đề bạo lực gia đình luôn xảy ra thường xuyên, còn nếu không bị chồng đánh thì cũng bị chửi mắng, đay nghiến, khủng bố tinh thần nên vào ngày 15/8/2018 tôi bỏ nhà đi lên Đồng Nai theo con đi làm thuê. Cũng từ đó vợ chồng chúng tôi ly thân cho đến nay. Đến tháng 02/2021 mẹ già đau yếu bản thân tôi lại bệnh tật liên miên nên tôi trở về quê lo cho mẹ vừa để trị bệnh của mình thì từ đó chồng tôi cũng về nhà thường xuyên và cứ mỗi lần ăn nhậu về là mắng nhiếc, hăm dọa và đánh đập tôi như cũ.

Xét thấy vợ chồng chúng tôi đã có tuổi hết rồi, đã có cháu nội, cháu ngoại nên tôi chịu đựng qua ngày đoạn tháng. Nhưng nay sức chịu đựng của tôi không còn có thể kéo dài thêm được nữa.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn với ông Danh C
- Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết
- Về nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét giải quyết

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Danh C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.***

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, còn bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Thạch Thị H đối với ông Danh C thì thấy rằng Bà H và ông C sống chung trên cơ sở tự nguyện từ năm 1983 mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng ông bà đã sống chung từ

năm 1983 nên xem đây là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Thời gian chung sống ông, bà đã có con chung. Tuy nhiên, cuộc sống chung của ông, bà lại bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đến năm 2018 thì ông, bà đã ly thân cho đến nay. Thấy rằng thời gian ông, bà ly thân đã lâu mạnh ai nấy sống không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý Tòa án cũng có thông báo hòa giải để các bên để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng phía ông C vắng mặt. Cho nên tại phiên tòa hôm nay Bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp yêu cầu xin ly hôn của Bà H. Cho bà Thạch Thị H được ly hôn với Danh C.

- Về con chung: Quá trình sống chung Bà H và ông C có 04 người con chung: Danh Thị Ngọc Quý, sinh năm 1984; Danh Thanh Hoài, sinh năm 1986; Danh Quận, sinh năm 1988; Danh Thị Ngọc Huệ, sinh năm 1990 tất cả đều đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân và Hoa không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: **Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Danh C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Danh C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Thạch Thị H đối với ông Danh C thì thấy rằng Bà H và ông C sống chung trên cơ sở tự nguyện từ năm 1983 mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng ông bà đã sống chung từ năm 1983 nên xem đây là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Thời gian chung sống ông, bà đã có con chung. Tuy nhiên, cuộc sống chung của ông, bà lại bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đến năm 2018 thì ông, bà đã ly thân cho đến nay. Thấy rằng thời gian ông, bà ly thân đã lâu mạnh ai nấy sống không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý Tòa án cũng có thông báo hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nên phía ông C vắng mặt. Cho nên tại phiên tòa hôm nay Bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp yêu cầu xin ly hôn của Bà H. Cho bà Thạch Thị H được ly hôn với Danh C.

- Về con chung: Quá trình sống chung Bà H và ông C có 04 người con chung: Danh Thị Ngọc Quý, sinh năm 1984; Danh Thanh Hoài, sinh năm 1986; Danh Quận, sinh năm 1988; Danh Thị Ngọc Huệ, sinh năm 1990 tất cả đều đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân và Hoa không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Thạch Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Lẽ ra, Bà H phải chịu án phí, nhưng do Bà H thuộc diện được miễn tạm ứng án phí, án phí và có yêu cầu nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị H được ly hôn với ông Danh C

2. Về con chung: Do các con là Danh Thị Ngọc Quý, sinh năm 1984; Danh Thanh Hoài, sinh năm 1986; Danh Quận, sinh năm 1988; Danh Thị Ngọc Huệ, sinh năm 1990 tất cả đều đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân và Hoa không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Thạch Thị H được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Mỹ Hạnh

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Thạch Thị H được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa